

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 535/2025/DS-PT
Ngày 27-8-2025
V/v Tranh chấp tài sản chung và
tranh chấp thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Đinh Tiền Phương

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2025/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Tranh chấp tài sản chung và tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 354/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị B, sinh năm 1954. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh).

- *Bị đơn:*

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc T, sinh năm 1978. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh).

2. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, ông C: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1985. Địa chỉ liên hệ: Số D, đường N, Khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An (nay là số D, đường N, xã B, tỉnh Tây Ninh).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị Ngọc T1, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh).

2. Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh).

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc L, sinh năm 1980. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh).

4. Bà Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (nay là ấp P, xã P, tỉnh Tây Ninh).

5. Ông Huỳnh Thanh T2, sinh năm 2001. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh).

6. Cháu Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 2008.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Thanh P, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là ấp L, xã M, tỉnh Tây Ninh).

7. Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh T). Địa chỉ trụ sở: Số D, đường S, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An (nay là số D, đường S, phường L, tỉnh Tây Ninh).

8. Công ty CP Đ1 – B. Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ A, ấp V, xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là Quốc lộ A, ấp V, xã M, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến T3 – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Khiếu Nhật T4 – Nhân viên.

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn C, là bị đơn.

(Bà B, ông H, bà T1, bà M, ông T2 có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do bà Đặng Thị Thành Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày tại cấp sơ thẩm như sau:

Ông Huỳnh Văn N1, sinh năm 1956 (chết ngày 16/6/2023) theo Giấy chứng tử số 65/2023 ngày 20/6/2023 và bà Đặng Thị B có 06 người con chung gồm: Huỳnh Thị Ngọc T1, Huỳnh Thanh P, Huỳnh Thị Ngọc L, Huỳnh Thị Ngọc M, Huỳnh Văn C và Huỳnh Thị Ngọc T. Ngoài ra, ông N1 và bà B không còn người con riêng, con nuôi nào khác. Cha, mẹ của ông N1 đều đã chết trước ông N1.

Quá trình chung sống ông N1 và bà B đã tạo lập được các tài sản chung như sau:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 889, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 153m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số CU 021359 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, diện tích đo đạc thực tế 136.1m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số CU 021358 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế 299.5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BD 073824 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 347-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3821 (thửa mới 700), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ số 3), loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 160.02m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BB 265545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 17/5/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 350-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 573.5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BD 390773 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 349-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc Lô đất số 48, Block (khu) L14, diện tích đo đạc thực tế 90m², loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 7-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà B có xác định tài sản gắn liền trên thửa đất số 446 và 889 là căn nhà được thể hiện tại vị trí Khu (A), (B), (C) theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025 cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất là tường rào, mái che là tài sản của ông Huỳnh Thanh P bỏ toàn bộ tiền xây dựng năm 2009, không phải là di sản thừa kế của ông N1. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm bà B xác định căn nhà cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất này là tài sản chung của bà B và ông N1. Hiện tại có bà B cùng ông P và con của ông P là Huỳnh Thanh T2, Huỳnh Thị Ngọc N đang sinh sống.

Toàn bộ các quyền sử dụng đất nêu trên hiện do bà B đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Trước khi chết ông N1 không để lại di chúc. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông Huỳnh Văn N1 và bà Đặng Thị B, cụ thể chia cho bà B được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Huỳnh Văn N1 theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ số tài sản chung còn lại, cụ thể bà B yêu cầu được chia như sau:

- Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông Huỳnh Văn N1 (chết năm 2023) và bà Đặng Thị B, cụ thể chia cho B được hưởng $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng gồm các thửa đất: thửa số 3821, tờ bản đồ số 02; thửa đất số 100, 146, 889, 446 cùng tờ bản đồ số 3 đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An; 01 nền tái định cư khu V, lô 48, diện tích 90m², địa chỉ lô nền tại xã L, huyện B, tỉnh Long An (bà B yêu cầu được hưởng hiện vật).

- Yêu cầu chia thừa kế của ông Huỳnh Văn N1 theo quy định pháp luật là $\frac{1}{2}$ số tài sản chung còn lại (nêu trên). Bà B yêu cầu được chia $\frac{1}{7}$ di sản của ông Huỳnh Văn N1, bà B yêu cầu được hưởng hiện vật và đồng ý thôi hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác theo giá trị của Chứng thư thẩm định giá số 040/2025/2527/CNLA ngày 26/3/2025.

Nguyên đơn thống nhất với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, thống nhất và đồng ý với Chứng thư Thẩm định giá số 040/2025/2527.CNLA ngày 26/3/2025, đề nghị Tòa án sử dụng kết quả này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với các tài sản, vật dụng trong căn nhà nêu trên và lô nền số 32 Khu L17 thì nguyên đơn không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra Lô nền tái định cư số lô 48 Khu L14 thì số tiền phải đóng để được nhận lô nền là 39.600.000 đồng, số tiền đã đóng là 34.500.000 đồng còn lại phải đóng khi nhận nền là 5.100.000 đồng cùng với các khoản lệ phí, thuế trước bạ thì nguyên đơn không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp Tòa án công nhận quyền sử dụng Lô nền cho ai thì người nhận lô nền sẽ tự nguyện đóng cho cơ quan có thẩm quyền, không có tranh chấp trong vụ án này. Toàn bộ bản chính GCNQSDĐ thuộc các thửa đất 889, 446, 146, 3821, 100 do bà B giữ, không cầm cố hay thế chấp cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào.

Bị đơn do ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về mối quan hệ nhân thân các bị đơn cùng thống nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Quá trình chung sống ông N1 và bà B đã tạo lập được các tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 889, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 153m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số CU 021359 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, diện tích đo đạc thực tế 136.1m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số CU 021358 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho

ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mạnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế 299.5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BD 073824 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mạnh trích đo địa chính số 347-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3821 (thửa mới 700), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ số 3), loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 160.02m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BB 265545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 17/5/2010 theo Mạnh trích đo địa chính số 350-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 573.5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BD 390773 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mạnh trích đo địa chính số 349-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc Lô đất số 48, Block (khu) L14, diện tích đo đạc thực tế 90m², loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mạnh trích đo địa chính số 7-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 446 và 889 là căn nhà được thể hiện tại vị trí Khu (A), (B), (C) theo Mạnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất là hàng rào, mái che là tài sản chung của ông N1 và bà B.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông C và bà T đồng ý chia tài sản chung giữa ông N1 và bà B và đồng ý chia thừa kế của ông N1 theo quy định pháp luật. Bà T cầu được nhận hiện vật là lô nền số 48 và ông C yêu cầu được nhận hiện vật là thửa đất số 700. Trường hợp phân hiện vật của ông C và bà T có giá trị lớn hơn suất thừa kế được hưởng thì ông C, bà T sẽ thối hoàn giá trị cho các đồng thừa kế khác, trường hợp giá trị hiện vật các quyền sử dụng đất nêu trên chưa đủ suất thừa kế thì ông C, bà T yêu cầu các đồng thừa kế khác phải hoàn trả giá trị tương ứng cho ông C, bà T.

Bị đơn thống nhất với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, thống nhất và đồng ý với Chứng thư Thẩm định giá số 040/2025/2527.CNLA ngày 26/3/2025 của Công ty CP T5, đề nghị Tòa án sử dụng kết quả này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với các tài sản, vật dụng trong căn nhà nêu trên và lô nền số 32 Khu L17 thì bị đơn không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Riêng Lô nền tái định cư số lô 48 Khu L14, số tiền phải đóng để được nhận lô nền là 39.600.000 đồng, số tiền đã đóng là 34.500.000 đồng còn lại phải đóng khi nhận

nền là 5.100.000 đồng cùng với các khoản lệ phí, thuế trước bạ thì bị đơn không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp Tòa án công nhận quyền sử dụng Lô nền cho ai thì người nhận lô nền sẽ tự nguyện đóng cho cơ quan có thẩm quyền, không có tranh chấp trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Ngọc T1, ông Huỳnh Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M do bà Nguyễn Thị Thúy H1 đại diện theo ủy quyền trình bày tại cấp sơ thẩm như sau: Đồng ý và thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Huỳnh Thị Ngọc T1, ông Huỳnh Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M yêu cầu chia thừa kế của ông N1 theo quy định pháp luật, mỗi người yêu cầu được nhận 1/7 di sản của ông N1 để lại, cụ thể yêu cầu được nhận giá trị mỗi người tương ứng với số tiền là 722.020.571 đồng.

Bà Huỳnh Thị Ngọc T1, ông Huỳnh Thanh P, Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M thống nhất với kết quả đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B, thống nhất và đồng ý với Chứng thư Thảm định giá số 040/2025/2527/CNLA ngày 26/3/2025 của Công ty CP T5, đề nghị Tòa án sử dụng kết quả này để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Đối với các tài sản, vật dụng trong căn nhà nêu trên và lô nền số 32 Khu L17 thì nguyên đơn không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Ngoài ra, Lô nền tái định cư số lô 48 Khu L14 nêu trên thì số tiền phải đóng để được nhận lô nền là 39.600.000 đồng, số tiền đã đóng là 34.500.000 đồng còn lại phải đóng khi nhận nền là 5.100.000 đồng cùng với các khoản lệ phí, thuế trước bạ thì bà Huỳnh Thị Ngọc T1, ông Huỳnh Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M không có yêu cầu gì trong vụ án này. Trường hợp Tòa án công nhận quyền sử dụng Lô nền cho ai thì người nhận lô nền sẽ tự nguyện đóng cho cơ quan có thẩm quyền, không có tranh chấp trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty CP Đ1 – B trình bày:

Ông Huỳnh Văn N1 đã nhận 02 nền tái định cư bằng đất số lô 48 Khu L14, số tiền phải đóng là 39.600.000 đồng, số tiền đã đóng 34.500.000 đồng và số lô 32 Khu L17, số tiền phải đóng là 269.100.000 đồng. Hiện tại lô số 32 hộ ông N1 đã nhận sổ đỏ ngày 09/5/2018. Riêng lô số 48 chưa được cấp sổ. Lý do chủ đầu tư dự án chưa được Sở T cấp sổ. Công ty CP Đ1 – B không có yêu cầu gì trong vụ án này. Công ty CP Đ1 – B sẽ chấp hành theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh L) ủy quyền cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B có văn bản xin giải quyết vắng mặt số 454/CNVPĐKĐĐ-HCTH ngày 09/6/2025.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị B về việc tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản với bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị Ngọc T; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố về yêu cầu chia thừa kế của bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị Ngọc T; không chấp nhận yêu cầu được nhận thừa kế bằng hiện vật của bà T và ông C; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Ngọc T1, Huỳnh Thanh P, Huỳnh Thị Ngọc L, Huỳnh Thị Ngọc M về yêu cầu chia thừa kế.

2. Bà Đặng Thị B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 889, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 153m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số CU 021359 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, diện tích đo đạc thực tế 136,1m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số CU 021358 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế 299,5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BD 073824 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 347-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3821 (thửa mới 700), tờ bản đồ số 2 (tờ bản đồ số 3), loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 160,02m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo GCNQSDĐ số BB 265545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 17/5/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 350-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 573,5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy CNQSDĐ số BD 390773 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 349-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Tài sản gắn liền trên thửa đất số 446 và 889 là: Nhà chính được thể hiện tại vị trí Khu (C), diện tích 119,5m²; Nhà phụ (mái ngói) thể hiện tại vị trí Khu (A), diện tích 92m²; Mái che thể hiện tại vị trí Khu (B), diện tích 32,6m² theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025 cùng các công trình kiến trúc là Hàng rào (phần xây gạch) diện tích 9,2m²; Hàng rào (phần lưới B40) diện tích 29,44m²; Tường gạch diện tích 41,16m² được thể hiện theo Chứng thư Thẩm định giá số 040/2025/2527/CNLA ngày 26/3/2025 của Công ty CP T5.

- Quyền sử dụng đất thuộc Lô đất số 48, Block (khu) L14, diện tích đo đạc thực tế 90m², loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Mảnh trích đo địa chính số 7-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025. Bà Đặng Thị B được quyền liên hệ đến Công ty CP Đ1 – B để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất thuộc Lô đất số 48, Block (khu) L14, diện tích đo đạc thực tế 90m², loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An. Lệ phí trước bạ và toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp quyền sử dụng đất nêu trên do bà Đặng Thị B chịu toàn bộ.

(Tất cả vị trí tứ cận diện tích nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 7,8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025; Mảnh trích đo địa chính số 347, 349, 350-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024; Chứng thư Thẩm định giá số 040/2025/2527.CNLA ngày 26/3/2025 của Công ty CP T5 đính kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

3. Buộc Bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho ông Huỳnh Văn C sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

4. Buộc Bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho ông Huỳnh Thanh P sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

5. Buộc Bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc T1 sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

6. Buộc Bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc L sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

7. Buộc Bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc M sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

8. Buộc Bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc T sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; nghĩa vụ chậm thi hành án; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 12/6/2025, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức nhận được đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn C là bị đơn kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho bà T nhận thừa kế bằng hiện vật là lô nền số 48 khu tái định cư V, cho ông C nhận thừa kế bằng hiện vật thửa đất số 700.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập, bị đơn không rút yêu cầu phản tố và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, đồng thời vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm và bổ sung ý kiến trình bày như sau:

Ông Nguyễn Văn H đại diện bị đơn ông C, bà T trình bày: Di sản thừa kế của ông Huỳnh Văn N1 để lại có nhiều thửa đất, nằm ở nhiều vị trí khác nhau, ngoài 02 thửa đất 446 và 889 có căn nhà bà B đang ở, quản lý và sử dụng thì những thửa đất còn lại đều là đất trống cho những hộ dân liền kề trồng rau. Các đồng thừa kế khác gồm bà T1, ông P, bà L, bà M có yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu nhận bằng tiền mà không yêu cầu nhận bằng hiện vật vì họ không có nhu cầu sử dụng đất. Riêng bà T và ông C là người có nhu cầu sử dụng đất nên yêu cầu được phân chia thừa kế bằng hiện vật nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét chia bằng hiện vật cho bà T, ông C là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T, ông C. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và ông C.

Bà Đặng Thị B trình bày: Bản án sơ thẩm giải quyết phân chia tài sản chung và thừa kế là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Huỳnh Thị Ngọc T1 và bà Huỳnh Thị Ngọc M trình bày: Bản án sơ thẩm giải quyết phân chia tài sản chung và chia thừa kế là phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Trường hợp cấp phúc thẩm phân chia bằng hiện vật cho ông C, bà T thì phải chia bằng hiện vật cho tất cả các đồng thừa kế còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo nằm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Xét thấy di sản của ông Huỳnh Văn N1 để lại gồm nhiều thửa đất. Các đồng thừa kế khác chỉ yêu cầu nhận giá trị bằng

tiền, không có nhu cầu sử dụng đất. Riêng bà T và ông C có nguyện vọng được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất để trực tiếp quản lý, sử dụng. Xét thấy, ngoài thửa đất 446 và 889 có công trình xây dựng trên đất thì các thửa đất khác đều là đất trống, không có công trình xây dựng. Theo kỹ phân được chia thừa kế thì bà T, ông C mỗi người được chia 722.020.571 đồng, trong khi đó theo chứng thư thẩm định giá thửa đất 3821 (mới 700) có đơn giá 191.025.000 đồng, giá trị lô đất số 48 là 425.250.000 đồng là ít hơn so với kỹ phân ông C, bà T được hưởng. Do đó, việc xem xét phân chia bằng hiện vật không làm ảnh hưởng đến giá trị mỗi kỹ phân được chia nên kháng cáo của ông C, bà T về việc phân chia bằng hiện vật là có cơ sở chấp nhận. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giao hiện vật cho bà T và ông C là chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp, chưa phù hợp với quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự về nguyên tắc phân chia di sản. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Thị Ngọc T, giao cho ông C được hưởng hiện vật là thửa đất số 700, bà T được hưởng hiện vật là lô nền số 48 khu tái định cư V; điều chỉnh lại nghĩa vụ bồi hoàn giá trị kỹ phân thừa kế cho phù hợp. Riêng bà T1, bà M có mặt tại phiên tòa phúc thẩm có đề nghị trường hợp chia bằng hiện vật cho ông C, bà T thì phải chia cho các đồng thừa kế khác bằng hiện vật nhưng ở cấp sơ thẩm các đồng thừa kế khác không yêu cầu và cũng không kháng cáo nên không được xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn C. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người được Tòa án triệu tập có mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng và xét xử theo trình tự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4] Tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật Dân sự quy định: “*Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều thì có thể thỏa thuận định giá hiện vật và thỏa thuận người nhận hiện vật; nếu không thỏa thuận được thì hiện vật được bán để chia*”. Trong vụ án này, di sản bao gồm nhiều thửa đất độc lập, tách biệt, có thể chia hiện vật cho những người có nhu cầu sử dụng mà không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đồng thừa kế khác.

Thực tế, bà B đang quản lý, sinh sống trên thửa 446 và 889 có nhà ở; các đồng thừa kế khác như bà T1, ông P, bà L, bà M chỉ yêu cầu nhận bằng tiền và không có nhu cầu sử dụng đất. Riêng ông C và bà T có nguyện vọng nhận hiện vật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giao hiện vật cho ông C, bà T là chưa đảm bảo đúng quy định nêu trên, chưa bảo đảm quyền được nhận di sản bằng hiện vật của họ.

[5] Xét khả năng chia hiện vật, căn cứ vào kết quả đo đạc, chứng thư thẩm định giá số 040/2025/2527/CNLA ngày 26/3/2025 và hiện trạng sử dụng đất, việc giao thửa 3821 (thửa mới 700) cho ông Huỳnh Văn C, giao lô nền số 48 khu tái định cư V cho bà Huỳnh Thị Ngọc T là phù hợp vì đây là những thửa đất trống, thuận tiện cho việc quản lý, sử dụng. Giá trị hiện vật thấp hơn kỷ phần của mỗi người nên bà B có trách nhiệm hoàn trả thêm bằng tiền để đảm bảo giá trị kỷ phần. Cụ thể, thửa 700 trị giá 191.025.000 đồng giao cho ông C, bà B phải hoàn trả thêm 530.995.571 đồng; lô nền 48 trị giá 425.250.000 đồng giao cho bà T, bà B phải hoàn trả thêm 296.770.571 đồng. Phương án này vừa đảm bảo quyền lợi cho ông C, bà T, vừa không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người thừa kế khác, đồng thời giữ nguyên quyền quản lý nhà ở của bà B trên các thửa đất có công trình xây dựng.

[6] Đối với ý kiến của bà T1 và bà M tại cấp phúc thẩm cho rằng nếu chia hiện vật cho ông C và bà T thì cũng phải chia hiện vật cho tất cả những người thừa kế khác, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại cấp sơ thẩm, các đồng thừa kế khác chỉ yêu cầu nhận giá trị bằng tiền và không có kháng cáo về vấn đề này, nên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án phúc thẩm không đặt ra xem xét yêu cầu mới. Hơn nữa, quyền lợi của các đồng thừa kế khác vẫn được bảo đảm khi nhận đủ giá trị kỷ phần bằng tiền.

[7] Từ những phân tích trên, bà T và ông C kháng cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Sửa bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T và ông C không phải chịu.

[9] Những phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn C.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2025/DS-ST ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 157, 165 và 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 611, 612, 613, 615, 649, 650, 651 và Điều 660 Bộ

luật Dân sự năm 2015; các Điều 33, 40, 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 12, 14, 26, 27 và 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị B về việc tranh chấp chia tài sản chung và tranh chấp về thừa kế tài sản với bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị Ngọc T; chấp nhận yêu cầu phản tố về yêu cầu chia thừa kế của bị đơn ông Huỳnh Văn C, bà Huỳnh Thị Ngọc T; chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Huỳnh Thị Ngọc T1, Huỳnh Thanh P, Huỳnh Thị Ngọc L, Huỳnh Thị Ngọc M về yêu cầu chia thừa kế.

Về việc chia tài sản chung, di sản thừa kế được thực hiện như sau:

1. Bà Đặng Thị B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất và tài sản gắn liền với đất do được chia tài sản chung và chia di sản thừa kế như sau:

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 889, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 153m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 021359 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 446, tờ bản đồ số 3, loại đất CLN, diện tích đo đạc thực tế 136,1m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 021358 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 12/12/2019 theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 3, loại đất ONT, diện tích đo đạc thực tế 299,5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 073824 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 347-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 100, tờ bản đồ số 3, loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 573,5m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 390773 do UBND huyện B cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 20/12/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 349-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

- Tài sản gắn liền trên thửa đất số 446 và 889 là: Nhà chính được thể hiện tại vị trí Khu (C), diện tích 119,5m²; Nhà phụ (mái ngói) thể hiện tại vị trí Khu (A), diện tích 92m²; Mái che thể hiện tại vị trí Khu (B), diện tích 32,6m² theo Mảnh trích đo địa chính số 8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025 cùng các công trình kiến trúc là Hàng rào (phần xây

gạch) diện tích 9,2m²; Hàng rào (phần lưới B40) diện tích 29,44m²; Tường gạch diện tích 41,16m² được thể hiện theo Chứng thư Thẩm định giá số 040/2025/2527/CNLA ngày 26/3/2025 của Công ty cổ phần T5.

2. Ông Huỳnh Văn C được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 3821, tờ bản đồ số 2 (thửa mới 700, tờ bản đồ số 3), loại đất LUC, diện tích đo đạc thực tế 160,02m², đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 265545 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Huỳnh Văn N1 ngày 17/5/2010 theo Mảnh trích đo địa chính số 350-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024.

3. Bà Huỳnh Thị Ngọc T được quyền quản lý, sử dụng quyền sử dụng đất thuộc Lô đất số 48, Block (khu) L14, diện tích đo đạc thực tế 90m², loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An (nay là xã M, tỉnh Tây Ninh) theo Mảnh trích đo địa chính số 7-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025. Bà Huỳnh Thị Ngọc T được quyền liên hệ đến Công ty CP Đ1 – B để làm thủ tục đăng ký quyền sử dụng đối với quyền sử dụng đất thuộc Lô đất số 48, Block (khu) L14, diện tích đo đạc thực tế 90m², loại đất ONT, đất tọa lạc tại xã L, huyện B, tỉnh Long An. Lệ phí trước bạ và toàn bộ các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp quyền sử dụng đất nêu trên do bà Huỳnh Thị Ngọc T chịu toàn bộ.

(Tất cả vị trí tứ cận diện tích nêu trên theo Mảnh trích đo địa chính số 7,8-2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 10/01/2025; Mảnh trích đo địa chính số 347, 349, 350-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện B ngày 18/11/2024; Chứng thư Thẩm định giá số 040/2025/2527.CNLA ngày 26/3/2025 của Công ty cổ phần T5 đính kèm theo Bản án dân sự sơ thẩm).

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biên động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đương sự cho phù hợp với kết quả giải quyết vụ án.

4. Buộc bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho ông Huỳnh Văn C sở hữu số tiền là 530.995.571 đồng.

5. Buộc bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho ông Huỳnh Thanh P sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

6. Buộc bà Đặng Thị B có trách nhiệm thối hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc T1 sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

7. Buộc bà Đặng Thị B có trách nhiệm bồi hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc L sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

8. Buộc bà Đặng Thị B có trách nhiệm bồi hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc M sở hữu số tiền là 722.020.571 đồng.

9. Buộc bà Đặng Thị B có trách nhiệm bồi hoàn giá trị kỷ phần di sản thừa kế được định giá thành tiền cho bà Huỳnh Thị Ngọc T sở hữu số tiền là 296.770.571 đồng.

10. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

11. Về chi phí tố tụng: Chi phí do đặc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí sao lục hồ sơ vụ án tổng cộng là 36.685.000 đồng. Bà Đặng Thị B phải chịu 20.962.857 đồng; bà Huỳnh Thị Ngọc T1, ông Huỳnh Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M, ông Huỳnh Văn C và bà Huỳnh Thị Ngọc T mỗi người phải chịu 2.620.357 đồng. Do bà Đặng Thị B đã nộp 7.685.000 đồng; ông Huỳnh Văn C đã nộp 14.500.000 đồng, bà Huỳnh Thị Ngọc T đã nộp 14.500.000 đồng nên buộc bà Đặng Thị B phải hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C số tiền 6.638.929 đồng, hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền 6.638.929 đồng; bà Huỳnh Thị Ngọc T1, ông Huỳnh Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M mỗi người phải hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc T số tiền 1.310.179 đồng. Bà Huỳnh Thị Ngọc T1, ông Huỳnh Thanh P, bà Huỳnh Thị Ngọc L, bà Huỳnh Thị Ngọc M mỗi người phải hoàn trả cho ông Huỳnh Văn C số tiền 1.310.179 đồng.

12. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Thị B được miễn.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc T phải chịu 32.880.823 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Ngọc T đã nộp là 8.925.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007560 ngày 25/3/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Bà Huỳnh Thị Ngọc T còn phải nộp tiếp là 23.955.823 đồng.

- Ông Huỳnh Văn C phải chịu 32.880.823 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Văn C đã nộp là 8.925.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007559 ngày 25/3/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Ông Huỳnh Văn C còn phải nộp tiếp là 23.955.823 đồng.

- Ông Huỳnh Thanh P phải chịu 32.880.823 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Thanh P đã nộp là 3.189.225 đồng theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0007739 ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Ông Huỳnh Thanh P còn phải nộp tiếp là 29.691.598 đồng.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc L phải chịu 32.880.823 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Ngọc L đã nộp là 3.189.225 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007740 ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Bà Huỳnh Thị Ngọc L còn phải nộp tiếp là 29.691.598 đồng.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc T1 phải chịu 32.880.823 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Ngọc T1 đã nộp là 3.189.225 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007738 ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Bà Huỳnh Thị Ngọc T1 còn phải nộp tiếp là 29.691.598 đồng.

- Bà Huỳnh Thị Ngọc M phải chịu 32.880.823 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Huỳnh Thị Ngọc M đã nộp là 3.189.225 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007741 ngày 09/5/2025 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An chuyển sang án phí. Bà Huỳnh Thị Ngọc M còn phải nộp tiếp là 29.691.598 đồng.

13. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc T và ông Huỳnh Văn C không phải chịu. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc T, ông Huỳnh Văn C mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0007884 và 0007883 cùng ngày 12/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

14. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

15. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 4 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc